

Bản án số: 23/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 21/01/2025

V/v “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHIÊM HOÁ - TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Thị Bích Ngọc.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Bích Hằng.

2. Bà Lê Thị Thanh Tâm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Vân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hoá, tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Chiêm Hoá, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Bà Chu Thị Hoa - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 01 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hoá, tỉnh Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 265/2024/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2024 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 72/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 12 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 63/2024/QĐST-HNGĐ ngày 31/12/2024 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị Hà Thị H, sinh năm 1985. Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện C, tỉnh Tuyên Quang (*có đơn xin xét xử vắng mặt*).

* Bị đơn: Anh Ma Xuân H1, sinh năm 1982. Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện C, tỉnh Tuyên Quang (*vắng mặt không có lý do*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, quan điểm trong quá trình giải quyết vụ án và đơn xin xét xử vắng mặt, nguyên đơn chị Hà Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Hà Thị H và anh Ma Xuân H1 được tự do tìm hiểu đã tự nguyện đăng ký kết hôn vào tháng 12 năm 2009 tại UBND xã T, huyện C. Chị H, anh H1 chung sống với nhau tại thôn T, xã T, huyện C. Quá trình chung sống giữa chị H và anh H1 đã xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống và cách sống. Chị H nhận thấy anh H1 không chịu khó làm ăn, thường

hay uống rượu say về có những lời lẽ xúc phạm chị H. Anh H1 không có sự nỗ lực cần thiết, không có sự chịu khó trong công việc dẫn đến gia đình không có kinh tế, chị H nhiều lần phải vay mượn tiền của bố mẹ để lo cho việc ăn học của con, anh H1 không có khả năng tự quyết định dẫn đến gây ra nhiều xung đột, căng thẳng trong cuộc sống hôn nhân. Anh H1 còn nhiều lần qua đêm, ngủ tại nhà người khác. Sự bất đồng trong cách sống và quan điểm sống cũng như những áp lực kinh tế dẫn đến hôn nhân giữa chị H và anh H1 không có hạnh phúc và mệt mỏi. Chị H và anh H1 đã sống ly thân từ năm 2020 đến nay. Chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị H xin ly hôn với anh Ma Xuân H1.

Về con chung: Chị Hà Thị H và anh Ma Xuân H1 có một con chung là Ma Thị Minh D, sinh ngày 07/5/2010. Khi ly hôn chị H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu anh H1 cấp dưỡng nuôi con cùng chị Hà Thị H.

- Về tài sản chung: Chị Hà Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án đã Thông báo, triệu tập anh Ma Xuân H1 đến để giải quyết việc chị Hà Thị H đề nghị ly hôn nhưng anh H1 đều không có mặt và không có ý kiến trình bày đối với nội dung yêu cầu khởi kiện của chị Hà Thị H. Qua xác minh tại địa phương thì hiện nay anh H1 vẫn đăng ký thường trú tại thôn T, xã T, huyện C, tỉnh Tuyên Quang. Theo lời khai của ông Ma Xuân P (bố đẻ của anh Ma Xuân H1) cung cấp như sau: Chị H và anh H1 được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật năm 2009 tại UBND xã T, huyện C và được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương. Sau khi kết hôn anh H1 và chị H chung sống tại thôn T, xã T, huyện C. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn thì ông P không nắm được. Anh H1 cũng biết việc chị H xin ly hôn nhưng không có ý kiến gì. Ông P xác định, việc chị H nộp đơn khởi kiện xin ly hôn tại Tòa án anh H1 có được biết, tuy nhiên do anh H1 đang đi làm ăn xa nên không thể về theo Giấy triệu tập của Tòa án. Địa chỉ cụ thể nơi làm việc của anh H1 ở đâu thì ông P cũng không được biết, nên ông P không cung cấp được địa chỉ nơi làm việc của anh H1 cho Tòa án, ông P xác định khi nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án ông P đã thông báo cho anh H1 biết việc chị H xin ly hôn nhưng anh H1 không về.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án đều đảm bảo đúng quy định. Riêng bị đơn chưa thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị: Căn cứ các Điều 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, các Điều 35, 39, 143, 144, 147, 227, 228, 238, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*” của chị Hà Thị H; cho chị Hà Thị H được ly hôn với anh Ma Xuân H1.

- Về con chung: Giao cháu Ma Thị Minh D, sinh ngày 07/5/2010 cho chị Hà Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Ma Xuân H1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản và nợ chung chị Hà Thị H xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết, do vậy không đề nghị xem xét.

- Về án phí và quyền kháng cáo: Chị Hà Thị H phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định. Anh Ma Xuân H1 không phải chịu án phí. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về pháp luật tố tụng.

Chị Hà Thị H khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang giải quyết cho chị ly hôn với anh Ma Xuân H1; anh Ma Xuân H1 đăng ký thường trú tại thôn T, xã T, huyện C, tỉnh Tuyên Quang. Căn cứ theo khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang.

Quá trình xác minh tại địa phương cho thấy, anh Ma Xuân H1 đăng ký thường trú tại thôn T, xã T, huyện C, tỉnh Tuyên Quang. Anh H1 đi làm ăn xa nhưng không thông báo địa chỉ nên không rõ địa chỉ cụ thể hiện nay của anh H1. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thông báo, triệu tập, gia đình anh H1 đã thông báo cho anh H1 nhưng anh H1 vẫn không về và cũng không thông báo địa chỉ nơi ở và nơi làm việc, đây được xem là trường hợp bị đơn cố tình che giấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ nên Tòa án vẫn giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa đã tiến hành xác minh thu thập chứng cứ; thực hiện các thủ tục niêm yết, tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật, tuy nhiên bị đơn anh Ma Xuân H1 vẫn vắng mặt lần thứ hai, chị Hà Thị H có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa quyết định xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại các Điều 227, 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về việc xem xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị H, anh H1 có đủ điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 8 của Luật hôn nhân và gia đình; có đăng ký kết hôn vào ngày 18/12/2009 tại UBND xã T, huyện C, tỉnh Tuyên Quang nên được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Qua lời khai của ông Ma Xuân P và kết quả xác minh tại thôn T, xã T, huyện C cho thấy: Quá trình chung sống giữa chị H và anh H1 xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp nhau. Hội đồng xét xử thấy rằng, cuộc sống chung của vợ chồng chị H, anh H1 thực tế đã không tồn tại từ năm 2020 đến nay; cả hai đều đã không còn quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; không cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình nên không thể tồn tại một gia đình hạnh phúc, tiến bộ, mục đích hôn nhân không đạt được. Như vậy, căn cứ vào các Điều 51, 53, 56, 57 Luật Hôn nhân và gia đình thì tình trạng hôn nhân của chị H, anh H1 đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hà Thị H, xử cho chị H được ly hôn với anh Ma Xuân H1.

[2.2] *Về con chung*: Chị H, anh H1 có 01 con chung là cháu Ma Thị Minh D, sinh ngày 07/5/2010. Khi ly hôn chị H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu D và không yêu cầu anh H1 cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn. Tại biên bản ghi nhận ý kiến của người đủ 07 tuổi cháu Ma Thị Minh D trình bày khi bố mẹ ly hôn cháu có nguyện vọng được ở với chị H. Trong quá trình giải quyết vụ án anh H1 biết được Tòa án đang thụ lý giải quyết vụ án ly hôn giữa chị H và anh H1 nhưng anh H1 không có văn bản trình bày ý kiến về nguyện vọng của mình về con chung khi ly hôn, hiện nay anh H1 đi làm ăn xa thường xuyên không có mặt tại địa phương. Do vậy Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình giao cháu Ma Thị Minh D, sinh ngày 07/5/2010 cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; anh H1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[2.3] *Về tài sản chung, nợ chung*: Chị Hà Thị H xác định không có, không đề nghị Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] *Về án phí*: Căn cứ các Điều 143, 144, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chị Hà Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật, anh Ma Xuân H1 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

[4] *Về quyền kháng cáo*: Căn cứ các Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 143, 144, 147, 227, 228, 238, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” của chị Hà Thị H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Hà Thị H được ly hôn với anh Ma Xuân H1 (Giấy chứng nhận kết hôn số 87 của UBND xã T, huyện C, tỉnh Tuyên Quang, ngày 18/12/2009).

2. Về con chung: Giao cháu Ma Thị Minh D, sinh ngày 07/5/2010 cho chị Hà Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Ma Xuân H1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí: Chị Hà Thị H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm ly hôn. Chị Hà Thị H tiền tạm ứng án phí theo giấy thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 000001992134 ngày 11/10/2024 của Đơn vị trung gian thanh toán Công ty cổ phần T và biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 0000652, ngày 14/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chiêm Hóa nay được trừ vào tiền án phí. Chị Hà Thị H đã nộp đủ tiền án phí.

Anh Ma Xuân H1 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Hà Thị H và anh Ma Xuân H1 được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Chiêm Hóa;
- UBND xã Tân An (nơi ĐKKH);
- Chi cục THADS huyện Chiêm Hóa;
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- Lưu HS + VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đào Thị Bích Ngọc

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

**Nguyễn Thị Bích Hằng
Tâm**

Lê Thị Thanh

Đào Thị Bích Ngọc

